|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
|  **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  Dự thảo lần 2**VIỆT NAM**  Số: /2023/TT-NHNN  |  CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Hà Nội, ngày tháng năm 2023 |

 |  |
|  |  |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-NHNN**

 **ngày 25/12/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

 **quy định việc nhập khẩu hàng hóa phục vụ hoạt động in,**

 **đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-NHNN ngày 25/12/2018* *của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc nhập khẩu hàng hóa phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Thông tư số 38/2018/TT-NHNN).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-NHNN**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Căn cứ văn bản chỉ định và cho phép cơ sở in, đúc tiền được nhập khẩu hàng hóa phục vụ hoạt động in, đúc tiền quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này và hợp đồng in, đúc tiền giữa cơ sở in, đúc tiền với Ngân hàng Nhà nước hoặc văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 07/2020/TT-NHNN ngày 30/6/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc đầu tư, mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,cơ sở in, đúc tiền thực hiện việc nhập khẩu hàng hóa phục vụ hoạt động in, đúc tiền.”

2. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục quy định Danh mục hàng hóa chỉ định cơ sở in, đúc tiền nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-NHNN.

**Điều 2.** Thay thế cụm từ “Mã số theo biểu thuế nhập khẩu” thành “Mã số HS” quy định tại Danh mục máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bộ phận, phụ tùng nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-NHNN ngày 07/02/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Danh mục máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bộ phận, phụ tùng nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng; Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, cơ sở in, đúc tiền chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Thông tư, Phụ lục Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Ban Lãnh đạo NHNN; - Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Bộ Tài chính;- Công báo;- Lưu: VP, PC, PHKQ (2 bản). |  **KT. THỐNG ĐỐC** **PHÓ THỐNG ĐỐC** **Đào Minh Tú** |

**PHỤ LỤC**

**Danh mục hàng hóa chỉ định cơ sở in, đúc tiền nhập khẩu**

**phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

 *(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-NHNN ngày tháng năm 2023
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam )*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN HÀNG HÓA** | **MÃ SỐ HS** |
| **Chương** | **Nhóm** | **Phân nhóm** |
| **1** | **Phôi kim loại sử dụng để đúc, dập tiền kim loại** |  |  |  |  |
|  | - Bằng thép hợp kim | 72 | 24 | 90 | 00 |
| - Bằng thép không gỉ | 72 | 18 | 99 | 00 |
| - Bằng sắt, thép không hợp kim | 72 | 06 | 90 | 00 |
| **2** | **Giấy in tiền** |  |  |  |
| 2.1 | - Giấy in tiền cotton |  |  |  |  |
|  | -- Ở dạng tờ hình chữ nhật (kể cả hình vuông) không có chiều nào trên 36 cm ở dạng không gấp | 48 | 02 | 69 | 11 |
| -- Loại khác | 48 | 02 | 69 | 19 |
| 2.2 | - Giấy in tiền polymer |  |  |  |  |
|  | -- Từ các polymer trùng hợp |  |  |  |  |
| --- Dạng tấm và phiến | 39 | 20 | 99 | 21 |
| --- Loại khác | 39 | 20 | 99 | 29 |
| -- Từ các polymer trùng ngưng hoặc tái sắp xếp |  |  |  |  |
| --- Dạng tấm và phiến | 39 | 20 | 99 | 31 |
| --- Loại khác | 39 | 20 | 99 | 39 |
| -- Loại khác | 39 | 20 | 99 | 90 |
| **3** | **Mực in tiền**  |  |  |  |  |
|  | - Mực in tiền màu đen được làm khô bằng tia cực tím | 32 | 15 | 11 | 10 |
| - Mực in tiền màu đen loại khác | 32 | 15 | 11 | 90 |
| - Mực in tiền màu khác | 32 | 15 | 19 | 90 |
| **4** | **Máy ép foil chống giả**  | 84 | 20 | 10 | 90 |
| **5** | **Foil chống giả để sử dụng cho tiền, ngân phiếu thanh toán và các loại ấn chỉ, giấy tờ có giá khác thuộc ngành Ngân hàng phát hành và quản lý** | 49 | 11 | 99 | 90 |
| **6** | **Máy in tiền** |  |  |  |  |
| 6.1 | Máy phủ Varnish  |  |  |  |  |
|  | - Máy in phủ Varnish theo công nghệ in Flexo. Có thể in được mực không màu phát quang UV | 84 | 43 | 16 | 00 |
| - Máy in phủ Varnish theo công nghệ in Offset. Có thể in được mực không màu phát quang UV | 84 | 43 | 13 | 00 |
| - Máy in phủ Varnish kết hợp cả công nghệ Flexo và Offset. Có thể in được mực không màu phát quang UV | 84 | 43 | 19 | 00 |
| 6.2 | Máy in số  | 84 | 43 | 19 | 00 |
| 6.3 | Máy in lõm  | 84 | 43 | 19 | 00 |
| 6.4 | Máy in Offset  | 84 | 43 | 13 | 00 |
| 6.5 | Máy in lưới  | 84 | 43 | 19 | 00 |
| **7** | **Máy đúc, dập tiền kim loại** |  |  |  |  |
| 7.1 | Máy đúc tiền kim loại theo công nghệ làm nóng chảy kim loại thành dạng lỏng | 84 | 54 | 30 | 00 |
| 7.2 | Máy dập tiền kim loại | 84 | 62 | 49 | 00 |